TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân

2. Ông Lê Văn Lài

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Lê Ngọc Hân, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2025/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: ấp XM 1, xã HĐ, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hải Q, sinh năm 1978; Có mặt.

Địa chỉ: Địa chỉ: ấp XM 1, xã HĐ, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q tự nguyện tìm hiểu T đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Điền, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, khoảng năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do không cùng chung quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị T và anh Q hiện nay đã sống ly thân, chị T yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 12-4-2006 đã tHnh niên nên không yêu cầu giải quyết; Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 29-01-2008 và Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 25-9-2010, chị T yêu cầu nuôi hai con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hải Q trình bày:

Chị T và anh Q kết hôn được 21 năm, anh không nhớ năm kết hôn, hai vợ chồng tự nguyện tìm hiểu. Thời gian chung sống hạnh phúc đến khoảng 4 năm nay mâu thuẫn, nghe mọi người nói chị T có quan hệ với người đàn ông khác nhưng không có bằng chứng. Chị T dọn ra ở riêng khoảng 01 tháng nay nhưng anh Q không gặp được chị T do chị né tránh anh, anh Q còn tH vợ nên không đồng ý ly hôn.

Con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 12-4-2006 đã tHnh niên nên không yêu cầu giải quyết; Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 29-01-2008 và Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 25-9-2010. Con theo ai thì anh đồng ý theo nguyện vọng của con.

Tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu THnh, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp Hnh tốt Nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, chị T và anh Q được ly hôn. Giao con chung Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 29-01-2008 và Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 25-9-2010 cho chị T nuôi dưỡng và chị T không yêu cầu cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, chị T vắng mặt có đơn đề nghị Tòa

án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh Q chung sống và có đăng ký kết hôn vào 12-10-2004 tại UBND Thanh Điền, tỉnh Tây Ninh. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị T trình bày trong thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn về quan điểm sống, cuộc sống không còn hạnh phúc và hiện nay đã sống ly thân.

Anh Q trình bày không có mâu thuẫn gì nhưng cũng xác định anh, chị hiện nay đã sống ly thân, không liên lạc được với chị T để Hn gắn hôn nhân.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh, chị không còn, hôn nhân không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T với anh Q.

[2.2] Về con chung: Anh, chị có 03 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 12-4-2006 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 29-01-2008 và Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 25-9-2010 đều có nguyện vọng sống chung với chị T nên Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q có quyền và nghĩa vụ đến thăm con, không ai có quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Hải Q về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hải Q.

2. Về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 12-4-2006 đã tHnh niên nên không yêu cầu giải quyết. Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 29-01-2008 và Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 25-9-2010 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006651 ngày 30-5-2025 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Châu THnh, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV 10 – Tây Ninh;
- UBND phường Thanh Điền;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Linh Phi